Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 20

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Thông tin chung

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ An Phú được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 4 năm 2023. Công ty hoạt động theo giấy phép thành lập và hoạt động số 17/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 119/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 11 năm 2022. Theo giấy phép điều chỉnh số 46/GPDC- UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 08 năm 2012, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ An Phú đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế.

Trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Xuân Tùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên
Bà Trịnh Ngọc Duyên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hùng Cường	Trưởng Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Trần Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bế Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kuo Tung - Lin	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Xuân Tùng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đánh giá tình hình kinh doanh giữa niên độ

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và tình hình tài chính giữa niên độ vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình hoạt động giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

Lê Xuân Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Số: 0108/2024/BCSX/IAV

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 - soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh mục 5.8, vốn chủ sở hữu thực góp tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn). Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đã được các cổ đông góp vốn đầy đủ trong năm 2022. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo tài chính này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn đang trong quá trình xem xét báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Theo đó, Công ty chưa thực hiện thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng cho đến khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này vào ngày 06 tháng 10 năm 2023.

M.S.D.N: 0106299213 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ĐỨC HƯNG
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2337-2023-283-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**49.709.855.267**	**51.840.205.922**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**25.856.280.806**	**25.260.226.560**
1. Tiền	111		856.280.806	260.226.560
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	25.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5.2**	**23.500.000.000**	**16.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.500.000.000	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**350.157.534**	**10.500.740.030**
1. Phải thu khách hàng	131	5.3	-	10.000.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		-	1.222.222
3. Các khoản phải thu khác	135	5.4	350.157.534	499.517.808
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.416.927**	**79.239.332**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.416.927	79.239.332
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**45.680.250**	**45.680.250**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**45.680.250**	**45.680.250**
1. Phải thu dài hạn khác	218	5.4	45.680.250	45.680.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**49.755.535.517**	**51.885.886.172**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**153.097.964**	**2.688.300.409**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**153.097.964**	**2.688.300.409**
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.5	102.102.148	1.842.193.275
2. Phải trả người lao động	315		15.161.378	54.633.491
3. Chi phí phải trả	316	5.6	20.000.000	40.000.000
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.7	15.834.438	751.473.643
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**5.8**	**49.602.437.553**	**49.197.585.763**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	420		(397.562.447)	(802.414.237)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**49.755.535.517**	**51.885.886.172**

S.G.P : 46 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trần Thị Thanh Bình	Trần Thị Thanh Bình	Lê Xuân Tùng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu	**01**		**-**	**-**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	**10**		**-**	**-**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	**20**		**-**	**-**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	716.757.470	551.774.314
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.2	210.952.611	499.569.929
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**505.804.859**	**52.204.385**
10. Thu nhập khác	31		259.879	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác	**40**		**259.879**	**-**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**506.064.738**	**52.204.385**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.3	101.212.948	10.440.877
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**404.851.790**	**41.763.508**
17. Lãi trên cổ phiếu	**70**	6.4	**80,97**	**8,35**

S.G.P : 46 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
Trần Thị Thanh Bình	**Trần Thị Thanh Bình**	**Lê Xuân Tùng**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		10.000.000.000	-
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(47.553.000)	(493.574.400)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(189.069.073)	(133.161.745)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.831.291.275)	(14.597.200)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	24.130.871
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(702.150.150)	(4.985.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***7.229.936.502***	***(622.187.974)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.500.000.000)	(16.000.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		866.117.744	156.507.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(6.633.882.256)***	***(15.843.492.659)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**596.054.246**	**(16.465.680.633)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**25.260.226.560**	**41.792.490.711**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**5.1**	**25.856.280.806**	**25.326.810.078**

S.G.P : 46 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
Trần Thị Thanh Bình	**Trần Thị Thanh Bình**	**Lê Xuân Tùng**
		Hà Nội, Việt Nam
		Ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2024	01/01/2023	Kỳ này		Kỳ trước		30/06/2024	30/06/2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	12.083.696	-	-	-	-	-	12.083.696
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(802.414.237)	(8.171.992.938)	404.851.790	-	41.763.508	-	(397.562.447)	(8.130.229.430)
Cộng		**49.197.585.763**	**41.840.090.758**	**404.851.790**	**-**	**41.763.508**	**-**	**49.602.437.553**	**41.881.854.266**

Người lập biểu
Trần Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng
Trần Thị Thanh Bình

S.G.P : 46 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Lê Xuân Tùng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2024

M.S.D.N: 0106...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ An Phú được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, giấy phép hoạt động số 17/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29/12/2006, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 119/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 11 năm 2022. Theo giấy phép điều chỉnh số 46/GPDC- UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/08/2012, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ An Phú đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 4 năm 2023 là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Vốn chủ sở hữu thực góp tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn). Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đã được các cổ đông góp vốn đầy đủ trong năm 2022. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn đang trong quá trình xem xét hồ sơ báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Theo đó, Công ty chưa thực hiện thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng cho đến khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

Trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 12 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 12 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:
- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cho kỳ kế toán này, Công ty thực hiện lập Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 ("Thông tư 125") do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

4.3 Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng

thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.5 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính là dự phòng về khả năng tổn thất vốn chủ sở hữu do những nguyên nhân khách quan.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi/lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4.6 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.7 Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

Chi phí hoạt động kinh doanh phản ánh các khoản chi phí liên quan đến hoạt động nghiệp vụ trong kỳ. Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

4.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, tiếp khác ...).

Chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ *VND*	Đầu kỳ *VND*
Tiền mặt	168.000.000	168.000.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	688.280.806	92.226.560
Các khoản tương đương tiền (i)	25.000.000.000	25.000.000.000
	25.856.280.806	**25.260.226.560**

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, tự động tái tục khi đến kỳ hạn với lãi suất dao động trong kỳ từ 2,4%/năm đến 3,8%/năm.

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	**23.500.000.000**	**23.500.000.000**	**16.000.000.000**	**16.000.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	23.500.000.000	23.500.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
	23.500.000.000	**23.500.000.000**	**16.000.000.000**	**16.000.000.000**

(ii) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội với lãi suất từ 3,3%/năm đến 3,7%/năm.

5.3. Phải khách hàng

	Cuối kỳ *VND*	Đầu kỳ *VND*
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**-**	**10.000.000.000**
Công ty CP Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex	-	10.000.000.000
	-	**10.000.000.000**

5.4. Phải thu khác

5.4.1. Phải thu ngắn hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Lãi tiền gửi	350.157.534	-	499.517.808	-
	350.157.534	**-**	**499.517.808**	**-**

5.4.2. Phải thu dài hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	45.680.250	-	45.680.250	-
	45.680.250	**-**	**45.680.250**	**-**

5.5. Thuế và các khoản phải thu phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	740.740.741	740.740.741	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.831.291.275	101.212.948	1.831.291.275	101.212.948
Thuế thu nhập cá nhân	10.902.000	3.757.200	13.770.000	889.200
Thuế, phí, lệ phí và các khoản khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	1.842.193.275	**848.710.889**	**2.588.802.016**	**102.102.148**

5.6. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	**20.000.000**	**40.000.000**
Phí dịch vụ phải trả	20.000.000	40.000.000
	20.000.000	**40.000.000**

5.7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	9.493.098	7.732.902
Bảo hiểm xã hội	2.643.985	-
Bảo hiểm y tế	489.985	-
Bảo hiểm thất nghiệp	207.370	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.000.000	743.740.741
	15.834.438	**751.473.643**

5.8. Vốn chủ sở hữu

5.8.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	**50.000.000.000**	**12.083.696**	**(8.171.992.938)**	**41.840.090.758**
Lãi trong năm trước	-	-	7.369.578.701	7.369.578.701
Giảm khác	-	(12.083.696)	-	(12.083.696)
Số dư cuối năm trước	**50.000.000.000**	**-**	**(802.414.237)**	**49.197.585.763**
Số dư đầu kỳ này	**50.000.000.000**	**-**	**(802.414.237)**	**49.197.585.763**
Lãi trong kỳ	-	-	404.851.790	404.851.790
Số dư cuối kỳ	**50.000.000.000**	**-**	**(397.562.447)**	**49.602.437.553**

Vốn chủ sở hữu thực góp tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn). Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đã được các cổ đông góp vốn đầy đủ trong năm 2022. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn đang trong quá trình xem xét báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Theo đó, Công ty chưa thực hiện thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng cho đến khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

5.8.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000

5.8.3. Cổ phiếu

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*5.000.000*	*5.000.000*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*5.000.000*	*5.000.000*

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP*

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	716.757.470	551.774.314
	716.757.470	**551.774.314**

6.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	183.287.031	129.907.929
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.422.907	56.985.500
Chi phí khấc bằng tiền	1.242.673	309.676.500
	210.952.611	**499.569.929**

6.3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**505.804.859**	**52.204.385**
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	**505.804.859**	**52.204.385**
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	505.804.859	52.204.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp		
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 20%	101.160.972	10.440.877
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	**101.160.972**	**10.440.877**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

6.4. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	404.851.790	41.763.508
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	404.851.790	41.763.508
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	**80,97**	**8,35**

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Ban Tổng Giám đốc	**Kỳ này VND**	**Kỳ trước VND**
Thu nhập bao gồm tiền lương, thưởng	58.700.797	-
	58.700.797	**-**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

7.2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Cuối kỳ		Đầu kỳ			
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.856.280.806	-	25.260.226.560	-	25.856.280.806	25.260.226.560
Phải thu khách hàng, Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	395.837.784	-	10.545.198.058	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.500.000.000	-	16.000.000.000	-	23.500.000.000	35.517.073.897
Cộng	**49.752.118.590**	**-**	**51.805.424.618**	**-**		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	-	-	(*)	(*)
Vay và nợ	-	-	(*)	(*)
Chi phí phải trả	20.000.000	40.000.000	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	3.000.000	743.740.741	(*)	(*)
Cộng	**23.000.000**	**783.740.741**		

(*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại 30 tháng 06 năm 2024 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Cơ sở xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính

Đối với các chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm niêm yết) giá trị hợp lý là giá đóng cửa vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký trên sàn UPCOM và doanh nghiệp nhà nước được thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, giá trị hợp lý là giá trị bình quân trong 30 ngày giao dịch liên tiếp gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở giao dịch chứng khoán công bố.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, giá thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

7.3. Rủi to tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức độ rủi ro tối đa. Mức độ rủi ro tài chính tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
- Tiền gửi ngân hàng (ii)	688.280.806	92.226.560
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn (iii)	23.500.000.000	16.000.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác (iv)	350.157.534	499.517.808
	24.538.438.340	**16.591.744.368**

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại tổ chức tín dụng danh tiếng. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 (ba) tháng tại các tổ chức tín dụng có danh tiếng. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận không thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu vào từ các khoản tiền gửi này và tin rằng các tổ chức tín dụng này sẽ không vỡ nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iv) Phải thu ngắn hạn khác

Phải thu khác là phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ các quỹ thuộc quản lý của Công ty và các nhà đầu tư đáng tin cậy. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

7.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	20.000.000	-	-	20.000.000
Các khoản phải trả khác	3.000.000	-	-	3.000.000
Cộng	**23.000.000**	**-**	**-**	**23.000.000**
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	40.000.000	-	-	40.000.000
Các khoản phải trả khác	743.740.741	-	-	743.740.741
	783.740.741	**-**	**-**	**783.740.741**

7.5. Rủi to thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như ngoại tệ, tỷ giá hối đoái, lãi suất và rủi ro về giá khác sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7.6. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

7.7. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7.9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế. Số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC.

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
Trần Thị Thanh Bình	**Trần Thị Thanh Bình**	**Lê Xuân Tùng**
		Hà Nội, Việt Nam
		Ngày 12 tháng 8 năm 2024